

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 10 năm 2019

DIỂM THI

PHẦN V.1: KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ CỦA CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN
LÝ Ở CƠ SỞ

LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 12, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Tuấn Anh	1	39	7.0	Bảy	
2	Dương Thị Bắc	2	56	8.0	Tám	
3	Phạm Văn Biên	3	85	7.5	Bảy rưỡi	
4	Đỗ Thị Bình	4	48	7.5	Bảy rưỡi	
5	Lê Thị Hòa Bình	5	23	7.5	Bảy rưỡi	
6	Lâm Ngọc Châm	6	10	7.5	Bảy rưỡi	
7	Nông Thị Chinh	7	09	8.0	Tám	
8	Ma Đình Chung	8	53	8.0	Tám	
9	Nguyễn Thị Kim Chung	9	71	7.0	Bảy	
10	Phan Văn Công	10	58	7.0	Bảy	
11	Đào Thị Cương	11	15	7.5	Bảy rưỡi	
12	Nguyễn Mạnh Cường (A) 1985	12	51	7.5	Bảy rưỡi	
13	Nguyễn Mạnh Cường (B) 1991	13	20	7.0	Bảy	
14	Trịnh Văn Định	14	64	7.0	Bảy	
15	Đinh Hữu Dũng	15	52	7.0	Bảy	
16	Hầu Văn Dương	16	27	7.0	Bảy	
17	Đinh Thị Đức	17	16	7.5	Bảy rưỡi	
18	Bùi Lưu Giang	18	21	7.5	Bảy rưỡi	
19	Nguyễn Trường Giang	19	79	7.5	Bảy rưỡi	
20	Đặng Hoàng Giáp	20	32	7.0	Bảy	
21	Nguyễn Hải Hà	21	74	8.0	Tám	
22	Vũ Xuân Hà	22	46	7.5	Bảy rưỡi	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
23	Đào Thị Hằng	23	40	7.5	Bảy rưỡi	
24	Nguyễn Thị Kim Hằng	24	29	7.0	Bảy	
25	Chu Hồng Hạnh	25	75	7.5	Bảy rưỡi	
26	Nguyễn Như Hào	26	38	7.0	Bảy	
27	Lâm Thị Hào	27	07	7.5	Bảy rưỡi	
28	Đoàn Xuân Hiến	28	60	7.0	Bảy	
29	Hà Duy Hiệp	29	36	7.5	Bảy rưỡi	
30	Phạm Thị Hiếu	30	44	7.5	Bảy rưỡi	
31	Nguyễn Quang Hợp	31	45	7.5	Bảy rưỡi	
32	Hoàng Văn Huân	32	30	6.5	Sáu rưỡi	
33	Bùi Thị Kim Huế	33	03	8.0	Tám	
34	Dương Thị Huệ	34	81	8.0	Tám	
35	Lê Thị Huệ	35	31	7.5	Bảy rưỡi	
36	Mai Thị Huệ	36	83	8.0	Tám	
37	Vũ Thị Huệ	37	61	7.5	Bảy rưỡi	
38	Lương Thái Hùng	38	63	7.0	Bảy	
39	Phạm Mạnh Hùng	39	04	8.0	Tám	
40	Đào Thị Hương	40	68	7.5	Bảy rưỡi	
41	Đồng Thị Thu Hương	41	69	8.0	Tám	
42	Đoàn Thị Phương Hường	42	73	7.5	Bảy rưỡi	
43	Trịnh Thị Hường	43	59	7.5	Bảy rưỡi	
44	Nguyễn Đình Huy	44	84	7.5	Bảy rưỡi	
45	Đào Văn Huy	45	19	7.0	Bảy	
46	Nguyễn Tiến Lâm	46	35	7.0	Bảy	
47	Dương Thị Lành	47	72	7.5	Bảy rưỡi	
48	Hoàng Thị Liên	48	13	7.0	Bảy	
49	Ngô Thị Loan	49	77	8.0	Tám	
50	Vũ Thị Loan	50	49	8.0	Tám	
51	Hoàng Văn Long	51	66	7.0	Bảy	
52	Vũ Thị Luận	52	06	7.5	Bảy rưỡi	
53	Dương Thị Lý	53	22	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
54	Vũ Thị Mai	54	54	7.0	Bảy	
55	Đỗ Văn Nam	55	82	8.0	Tám	
56	Đào Thị Nga	56	14	8.0	Tám	
57	Nguyễn Thị Ngân	57	01	8.0	Tám	
58	Dương Duy Nhất	58	34	7.5	Bảy rưỡi	
59	Hà Thị Nhung	59	47	7.5	Bảy rưỡi	
60	Trần Đại Quân	60	80	7.5	Bảy rưỡi	
61	Tạ Văn Quang	61	42	7.5	Bảy rưỡi	
62	Triệu Văn Quảng	62	62	7.0	Bảy	
63	Nguyễn Thanh Sơn	63	11	7.5	Bảy rưỡi	
64	Nguyễn Thị Thanh	64	18	7.5	Bảy rưỡi	
65	Ngô Bích Thịnh	65	02	7.5	Bảy rưỡi	
66	Lê Minh Thu	66	12	8.0	Tám	
67	Đàm Thị Thùy	67	17	7.5	Bảy rưỡi	
68	Đào Thị Thủy	68	08	7.5	Bảy rưỡi	
69	Phạm Huyền Thương	69	65	7.5	Bảy rưỡi	
70	Lã Thị Tiến	70	43	7.5	Bảy rưỡi	
71	Hoàng Huyền Trang	71	57	7.5	Bảy rưỡi	
72	Nguyễn Văn Trình	72	37	7.0	Bảy	
73	Hoàng Văn Trung	73	24	7.5	Bảy rưỡi	
74	Lý Thành Trung	74	28	7.0	Bảy	
75	Ngô Văn Tư	75	67	8.0	Tám	
76	Dương Văn Tuấn	76	50	8.0	Tám	
77	Triệu Thanh Tuấn	77	33	7.0	Bảy	
78	Bùi Tiến Tùng	78	55	7.5	Bảy rưỡi	
79	Dương Khắc Tùng	79	25	7.0	Bảy	
80	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	80	05	8.0	Tám	
81	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	81	70	7.0	Bảy	
82	Hoàng Quốc Việt	82	26	7.0	Bảy	
83	Lê Quang Việt	83	76	8.0	Tám	
84	Lê Văn Vĩnh	84	41	8.0	Tám	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
85	Hoàng Thị Hải Yến	85	78	8.0	Tám	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Phúc Ái

**KHOA XĐĐ
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên

